

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/DS-ST

Ngày: 22 - 3 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
góp họ và vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Mậu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1975; địa chỉ: Số nhà C, tổ A, ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Thế T1, sinh năm 1986 (chồng bà C); Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Vào ngày 15/4/2020 ÂL chị C có áp 01 (một) dây hui 15 ngày là 2.000.000 đồng, gồm có 50 chân hui, hui 15 ngày số 01 lần, chị T tham gia là 02 chân, hui đến ngày 15/5/2022 là mãn hui nhưng do dịch covid nên đến lần thứ 26 là ngày 30/5/2021 thì chị C ngưng dây hui này. Trong danh sách hui của chị đã cung cấp cho Tòa án thì

chị **T** lấy tên là Chị **T**.

Theo đây hội này, chị **C** tính số tiền chị **T** được hốt như sau: Chị **T** kêu hội chân thứ nhất là 800.000 đồng và hốt được số tiền là 1.200.000 đồng x 45 lần + 2.000.000 đồng x 4 lần = 62.000.000 đồng, trừ tiền thảo là 1.500.000 đồng và tiền 01 chân sống chị **T** phải đóng là 800.000 đồng, thì chị **T** được nhận là 59.700.000 đồng nhưng chị **C** giao cho chị **T** số tiền hội chẵn là 60.000.000 đồng, chị **T** kêu hội chân thứ hai là 800.000 đồng và hốt được số tiền là 1.200.000 đồng x 44 lần + 2.000.000 đồng x 5 lần = 62.800.000 đồng, trừ tiền thảo là 1.500.000 đồng và tiền 01 chân sống, 01 chân chết chị **T** phải đóng là 2.800.000 đồng, thì chị **T** được nhận là 58.500.000 đồng nhưng chị **C** giao cho chị **T** số tiền hội chẵn là 60.000.000 đồng, cả hai lần giao tiền hốt hội thì chị **T** có ký nhận tiền hội trong sổ hội của chị **C** vào ngày 15/6/2020 và ngày 30/6/2020, khi chị **C** giao tiền hội cho chị **T** thì chị **T** không có ý kiến gì về số tiền hội hốt đã giao và chị **C** xác nhận là giao đủ tiền cho chị **T** cả hai lần hốt. Do chị **T** cần tiền nên chị **T** có yêu cầu chị **C** giao số tiền hội hốt lần thứ 6 cách lần hốt hội thứ 5 chỉ có khoảng 2 ngày, chị **C** giao hai lần số tiền nêu trên trực tiếp cho chị **T** tại nhà chị **T**, có chứng kiến của bà **H** là mẹ ruột chị **T** và chị **H1** là em ruột chị **T**, khi giao tiền xong thì chị **T** có ký nhận vào sổ của chị **C**, ngoài ra có chứng kiến của chị **P** ở gần nhà chị **C**.

Sau khi chị **T** hốt hội xong thì chị **T** đóng được cho chị **C** hội chết của chân thứ nhất là 22 lần với tổng số tiền là 44.000.000 đồng, còn lại là 23 lần hội chết chưa đóng với tổng số tiền là 46.000.000 đồng. Chị **T** đóng hội chết của chân thứ hai là 22 lần với tổng số tiền là 44.000.000 đồng, còn lại là 22 lần hội chết chưa đóng với tổng số tiền là 44.000.000 đồng. Hiện còn nợ chị **C** tiền hội chết của cả hai chân là 90.000.000 đồng. Ngoài ra chị **T** có vay chị **C** số tiền là 10.000.000đ để chi xài nên chị **T** nợ chị **C** số tiền hội là 90.000.000 đồng và tiền vay là 10.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng.

Nay yêu cầu chị **T** phải có trách nhiệm thanh toán cho chị **C** số tiền hội chết còn nợ của hai chân hội là 90.000.000 đồng và xin rút yêu cầu đối với số tiền vay là 10.000.000 đồng chỉ yêu cầu chị **T** thanh toán số tiền hội nêu trên. Chị **C** không yêu cầu tính lãi suất. Số tiền hội này chị **C** chỉ yêu cầu bà **T** có trách nhiệm trả cho chị **C**, không yêu cầu chồng bà **T** có trách nhiệm trả số tiền này.

Bị đơn chị **Huỳnh Thị Thu T**: Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 25/01/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Trần Thế T1** là chồng chị **Nguyễn Thị C** trình bày:

Việc vợ anh là chị **Nguyễn Thị C** làm chủ hội và cho chị **Huỳnh Thị Thu T** tham gia chơi hội đó là do vợ anh quyết định, anh không tham gia vào việc chơi hội này, do anh thường xuyên đi ghe biển không có ở nhà, nay xảy ra tranh chấp với chị

T về tiền hui thì anh giao toàn quyền quyết định cho chị **C** trong vụ kiện này, anh đề nghị không đưa anh vào tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại các điều 463, 468 và 471 Bộ luật Dân sự và khoản 2, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết như sau:

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **C** về việc yêu cầu chị **T** có trách nhiệm trả số tiền vay là 10.000.000 đồng.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **C** về việc buộc chị **T** phải có nghĩa vụ trả cho chị **C** số tiền hui là 90.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

- Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị **Nguyễn Thị C** có đơn khởi kiện yêu cầu chị **Huỳnh Thị Thu T** phải trả cho chị **C** số tiền hui và số tiền vay còn nợ, không yêu cầu tính lãi suất, bị đơn chị **T** có địa chỉ tại **tổ A, ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang**, do đó theo quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ và vay tài sản căn cứ theo Điều 463, 471 Bộ luật dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn Chị **Huỳnh Thị Thu T**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Trần Thế T1** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhưng chị **T**, anh **T1** vắng mặt tại phiên tòa. Tại phiên tòa chị **C** đồng ý xử vắng mặt bị đơn chị **T**, anh **T1**. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị **C** đối với yêu cầu chị **T** trả số tiền hui chết còn nợ là 90.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị **C** xác nhận vào ngày 15/4/2020 ÁL chị **C** có áp một dây hui, gồm có 50 chân hui, hui 15 ngày sổ 01 lần, hui 15 ngày là 2.000.000 đồng, chị **T** đã hót hui xong cả hai chân hui, một chân hót lần thứ 5 và một chân hót lần thứ 6, theo sổ hui chị **C**

cung cấp thì chị C tính số tiền chị T được hốt như sau: Chị T hốt lần thứ 5 và kêu hội chân thứ nhất là 800.000 đồng và hốt được số tiền là 1.200.000 đồng x 45 lần + 2.000.000 đồng x 4 lần = 62.000.000 đồng, trừ tiền thảo là 1.500.000 đồng và tiền 01 chân sống chị T phải đóng là 800.000 đồng, thì chị T được nhận là 59.700.000 đồng nhưng chị C giao cho chị T số tiền hội chẵn là 60.000.000 đồng, chị T hốt lần thứ 6 và kêu hội chân thứ hai là 800.000 đồng và hốt được số tiền là 1.200.000 đồng x 44 lần + 2.000.000 đồng x 5 lần = 62.800.000 đồng, trừ tiền thảo là 1.500.000 đồng và tiền 01 chân sống, 01 chân chết chị T phải đóng là 2.800.000 đồng, thì chị T được nhận là 58.500.000 đồng nhưng chị C giao cho chị T số tiền hội chẵn là 60.000.000 đồng, cả hai lần giao tiền hốt hội thì chị T có ký nhận tiền hội trong sổ hội của chị C, khi giao tiền hội cho chị T thì chị T không có ý kiến gì là số tiền hội hốt có thiếu hay đủ tiền hay không và chị C đã giao tiền hội đủ cho chị T. Sau khi chị T hốt hội xong thì chị T đóng được cho chị C hội chết của cả hai chân hội là 88.000.000 đồng và còn nợ chị C tiền hội chết chưa đóng của cả hai chân hội là 90.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của một số người làm chứng cũng tham gia dây hội trên cùng chị T thì những người này đều xác nhận chị T có tham gia dây hội mở vào ngày 15/4/2020 ÂL do chị C làm chủ và chị T đã hốt hội cả hai chân hội xong, danh sách tham gia chơi hội chị C cung cấp tại Tòa trùng với danh sách chơi hội được chị C giao cho các hội viên. Chị T tham gia chơi hội với tên “Chị T”, đã hốt 01 chân hội ở lần thứ 5 và 01 chân hội ở lần thứ 6, những người này cũng chứng kiến việc chị C giao tiền hội trực tiếp cho chị T. Sau khi hốt hội xong thì chị T cũng có đóng hội chết cho chị C nhưng việc chị T có đóng hội chết đến khi hội ngưng cho chị C hay không thì những người làm chứng không nắm rõ. Ngoài ra, theo biên bản xác minh ngày 27/02/2024 của Tòa án thì chính quyền địa phương xác nhận chị T vẫn sinh sống ở địa phương và vẫn đi buôn bán ở chợ M, khi xảy ra tranh chấp về tiền hội, chính quyền địa phương có mời chị T lên làm việc theo đơn yêu cầu của chị C thì chị T biết nhưng cố tình không hợp tác mà vắng mặt theo giấy mời của chính quyền địa phương. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T, trong đó có thông báo về nội dung nguyên đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp nhưng chị T không có ý kiến phản hồi về việc đã đóng hội chết xong cho chị C hay chưa, cũng không có yêu cầu giám định chữ ký đối với các tài liệu, chứng cứ mà chị C cung cấp. Xét thấy, chị C làm chủ hội chỉ với vai trò là trung gian, nhận tiền thảo của mỗi lần giao hội và có trách nhiệm gom hội hàng tháng để giao hội cho người được lĩnh hội, nên việc chị T sau khi hốt hội không đóng lại hội chết đã vi phạm nghĩa vụ đóng hội theo thỏa thuận giữa chủ hội và các hội viên, việc chị T không đóng tiếp tục hội chết cho chị C thì để duy trì dây hội tới khi mãn thì chị C bắt buộc phải bỏ tiền đóng hội chết thay cho chị T của cả hai chân hội, việc này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị C, do đó chị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị C khoản tiền hội

đóng thay với tổng số tiền hui là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 16, Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐCP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường.

Do vậy, từ những nhận định nêu trên, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **C** yêu cầu chị **T** trả số tiền hui chết còn nợ là 90.000.000 đồng.

[3.2] Xét yêu cầu của chị **C** yêu cầu chị **T** trả số tiền vay là 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị **C** xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của chị **C**.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chị **T** phải chịu án phí đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị **C** được chấp nhận là 90.000.000 đồng x 5% = 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), là phù hợp với quy định tại Điều khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 227, 228, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 và Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 1, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị C**.
2. Buộc chị **Huỳnh Thị Thu T** phải có nghĩa vụ trả cho chị **Nguyễn Thị C** số tiền hui còn nợ là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị C** về việc yêu cầu chị **Huỳnh Thị Thu T** phải có nghĩa vụ trả số tiền vay là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Huỳnh Thị Thu T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Chị **Nguyễn Thị C** được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000216 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị C** có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn Chị **Huỳnh Thị Thu T** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Trần Thế T1** mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Quyên

